TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3555/2023/KDTM-ST
Ngày: 08/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Phạm Nam Thắng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2022/TLST- KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5009/2023/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P2

Trụ sở: số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của Tòa nhà) và số D đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung H - sinh năm 1981

Địa chỉ liên lạc: Tầng B, Tòa nhà T, số A đường T, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản uỷ quyền số 210/2022/UQ-OCB ngày 22/9/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần P2)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: số E Đường số B, Khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng P1 - sinh năm 1983

Địa chỉ: số E Đường số B, Khu phố H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2022 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 26/7/2017, Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) đã ký hợp đồng tín dụng số 28/2017/HĐTD-DN/SME.PTH với Ngân hàng thương mại cổ phần P2 (sau đây viết tắt là Ngân hàng P2) để vay số tiền 210.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua 01 sơ mi rơ mooc tải (chở container) nhãn hiệu Thaco, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, lãi suất vay 7,99%/năm (trên cơ sở tính 01 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất vay trên cơ sở tính 01 năm 365 ngày là 8,1010%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng P2 công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi suất tối thiểu 3,5%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngày 26/7/2017, Ngân hàng P2 đã giải ngân số tiền vay cho Công ty T thể hiện tại khế ước nhận nợ số 31/2017-OCB/KƯNN-DN.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty T đã thế chấp tài sản là xe sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15, giấy chứng nhận đăng ký số 019580 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 25/7/2017. Hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp số 33/2017/BĐ/SME.PTH ngày 26/7/2017 và Ngân hàng P2 đã thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp online tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 13 giờ 32 phút ngày 26/7/2017 với số đơn đăng ký giao dịch bảo đảm là 1256689319. Tài sản thế chấp do Công ty T quản lý sử dụng. Ngoài địa chỉ của Công ty T mà ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án thì ngân hàng không biết địa chỉ nào khác của Công ty T cũng như tài sản thế chấp hiện nay đang ở đâu để cung cấp cho Tòa án.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/3/2020 đến nay dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Do đó, nay Ngân hàng P2 khởi kiện yêu cầu:

1/ Buộc Công ty T trả ngay cho Ngân hàng P2 tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 28/2017/HĐTD-DN/SME.PTH ký ngày 26/7/2017 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết với số tiền tính đến ngày 08/9/2023 là 127.080.050 đồng, trong đó nợ gốc là: 78.477.847 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.602.203 đồng.

2/ Ngoài ra, kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi Công ty P3 xong toàn bộ khoản nợ thì Công ty T còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

3/ Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng P2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng bảo đảm tài sản số 33/2017/BĐ/SME.PTH ngày 26/7/2017, tài sản bảo đảm là: Xe Sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15, Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc,

Sơ mi rơ moóc số 019580 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 25/7/2017 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Hiện nay, Ngân hàng đang quản lý giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc số 019580 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 25/7/2017 của Xe sơ mi rơ mooc biển số 51R-192.15 do Công ty T đứng tên chủ sở hữu. Trường hợp Công ty P3 đầy đủ khoản tiền còn nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ tiến hành các thủ tục để trả lại cho Công ty T giấy chứng nhận đăng ký xe sơ mi rơ mooc biển số 51R-192.15 mà ngân hàng đang quản lý.

Ngày 07/9/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng P2 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Công ty T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng trong hoạt động kinh doanh giữa 02 tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H thì bị đơn Công ty T có địa chỉ tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2023. Và theo kết quả xác minh của Công an phường T, thành phố T thì Công ty T không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không còn cư trú tại địa phương từ năm 2018 đến nay, đi đâu không rõ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngân hàng P2 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 26/7/2017 Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần P2 - chi nhánh C, phòng G đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 28/2017/HĐTD-DN/SME.PTH, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,1010%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức: lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng P2 công bố tại thời điểm tính lãi + biên độ lãi suất tối thiểu 3,5%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Ngân hàng P2 đã giải ngân số tiền vay cho Công ty T thể hiện tại khế ước nhận nợ số 31/2017-OCB/KƯNN-DN ngày 26/7/2017.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được Ngân hàng cho vay, tính đến ngày 25/3/2020 Công ty T đã thanh toán số tiền 168.066.707 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 131.522.153 đồng và tiền lãi là 36.544.554 đồng và ngưng không thanh toán cho đến nay.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 206 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp doanh nghiệp, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác. Do đó, trong thời gian tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/9/2023 thì Công ty T vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 08/9/2023 là 127.080.050 đồng, trong đó nợ gốc là: 78.477.847 đồng, nợ lãi quá hạn là 48.602.203 đồng. Do Công ty T đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu Công ty T Phát thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty T còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Bảo đảm cho khoản vay, Công ty T có thế chấp tài sản là xe sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15, giấy chứng nhận đăng ký số 019580 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 25/7/2017 cho Công ty T. Hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp số 33/2017/BĐ/SME.PTH ngày 26/7/2017. Xét hợp đồng thế chấp giữa Công ty T và Ngân hàng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Ngân hàng P2 đã thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 13 giờ 32 phút ngày 26/7/2017 với số đơn đăng ký giao dịch bảo đảm là 1256689319 nên hợp đồng

thế chấp đã phát sinh hiệu lực. Do tài sản thế chấp là xe Sơ mi rơ mooc do bị đơn quản lý sử dụng, theo kết quả xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền thì Công ty T đã không còn hoạt động, đi đâu không rõ, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, nên việc hiện nay không xác định được tài sản thế chấp đang ở đâu không làm vô hiệu hợp đồng thế chấp. Vì vậy, khi đến hạn trả nợ nhưng Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Trường hợp Công ty P3 đầy đủ khoản tiền còn nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để trả lại cho Công ty T giấy chứng nhận đăng ký xe sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15 mà ngân hàng đang quản lý.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng P2 được chấp nhận nên bị đơn Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.354.003 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng P2.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 299, Điều 303, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 3 Điều 206 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 số tiền còn nợ tính đến hết ngày 08/9/2023 của Hợp đồng tín dụng số 28/2017/HĐTD-DN/SME.PTH ngày 26/7/2017 với tổng số tiền là 127.080.050 (một trăm hai mươi bảy triệu không trăm tám mươi ngàn không trăm

năm mươi) đồng, trong đó nợ gốc là: 78.477.847 (bảy mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 48.602.203 (bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai ngàn hai trăm lẻ ba) đồng.

Kể từ ngày 09/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên.

1.2 Ngay sau khi Công ty TNHH P3 xong số tiền nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 thì Ngân hàng thương mại cổ phần P2 có trách nhiệm:

+ Giải chấp tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 33/2017/BĐ/SME.PTH ngày 26/7/2017, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 13 giờ 32 phút ngày 26/7/2017 với số đơn đăng ký giao dịch bảo đảm là 1256689319.

+ Trả lại cho Công ty TNHH T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15.

1.3 Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P2 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe sơ mi rơ mooc số đăng ký 51R-192.15, giấy chứng nhận đăng ký số 019580 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 25/7/2017 cho Công ty TNHH T để thu hồi nợ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T phải nộp 6.354.003 (sáu triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn không trăm lẻ ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006562 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy